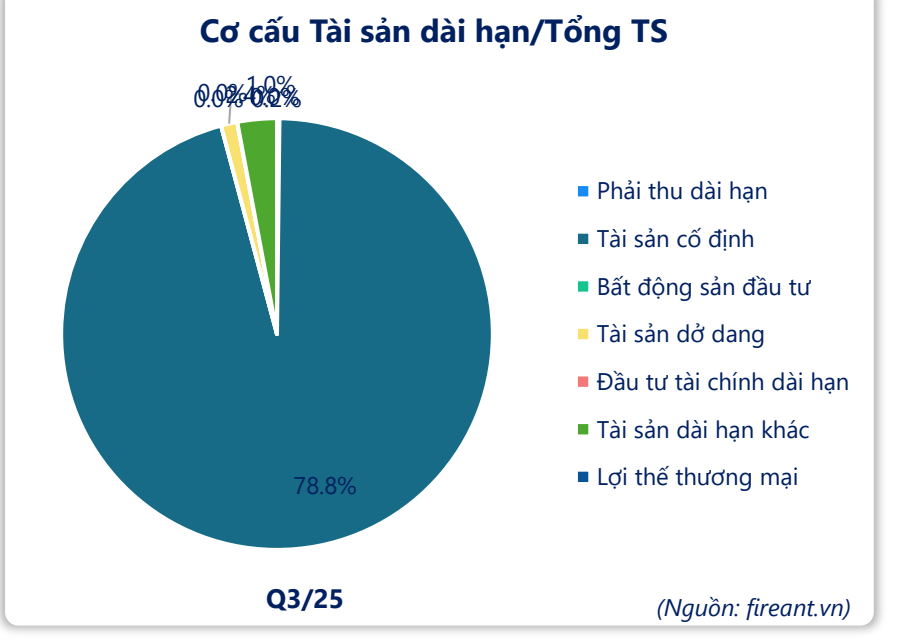
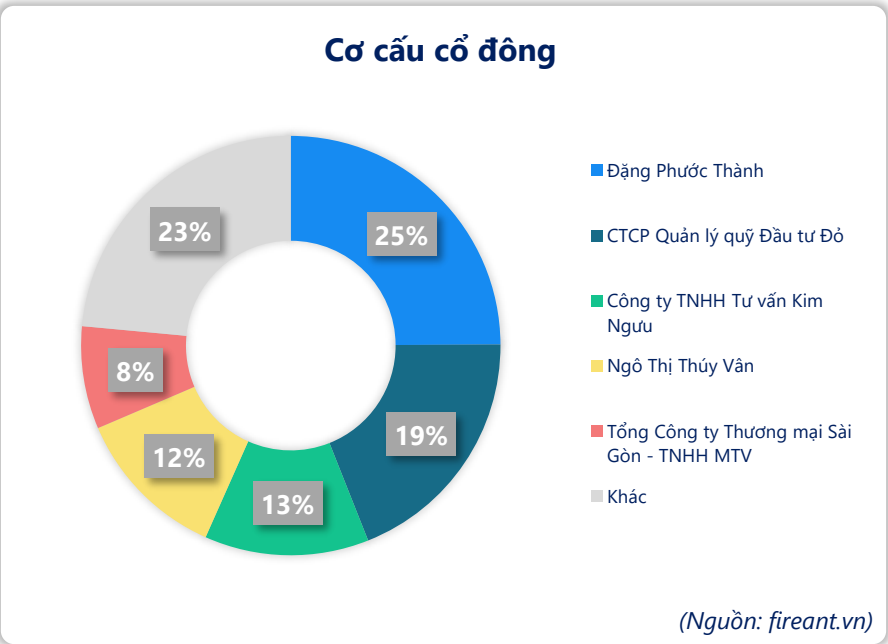
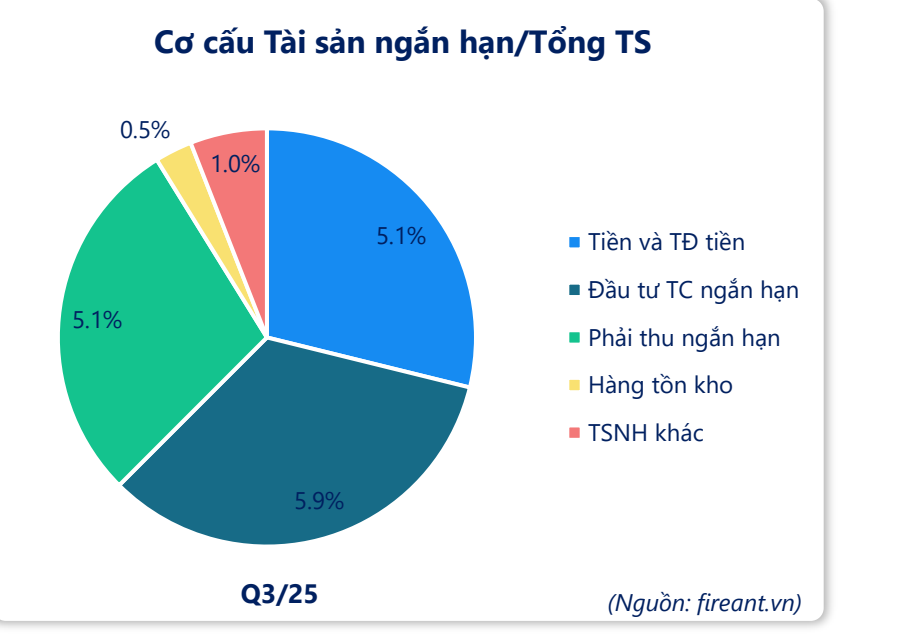
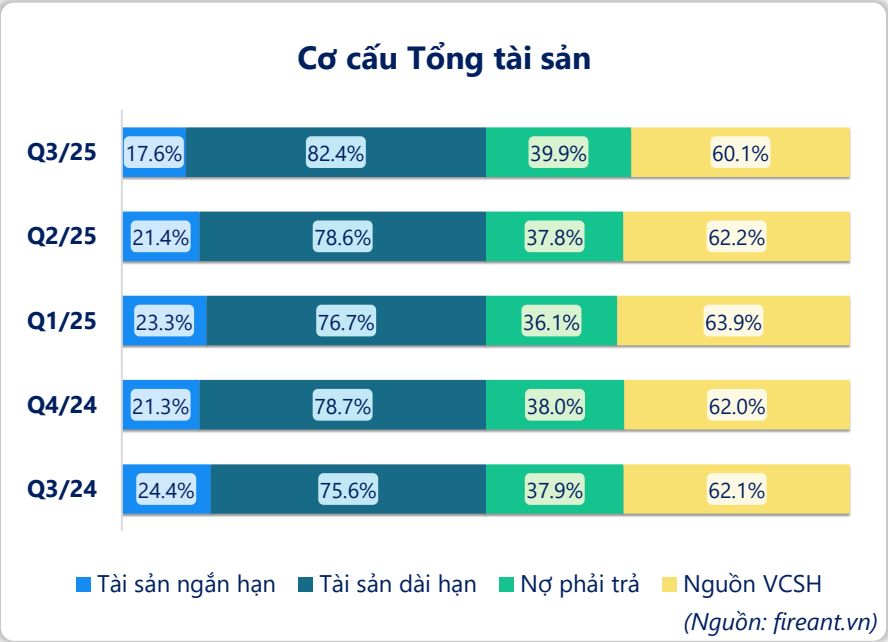
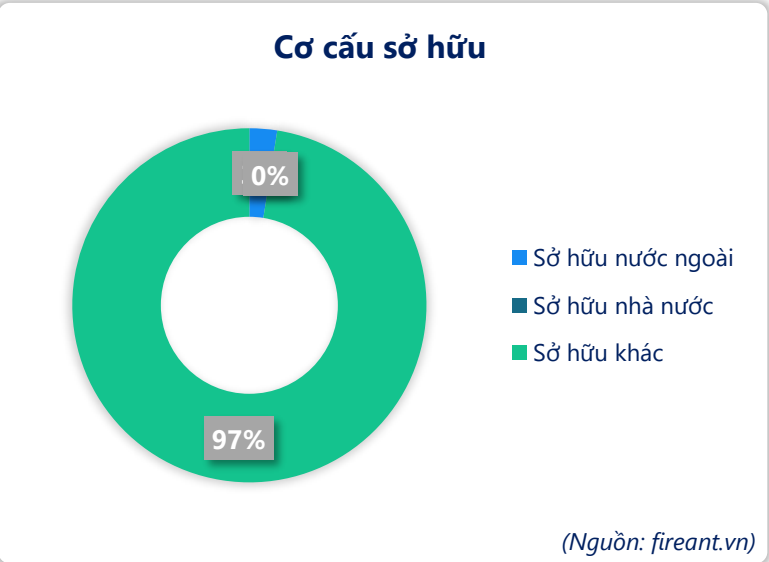
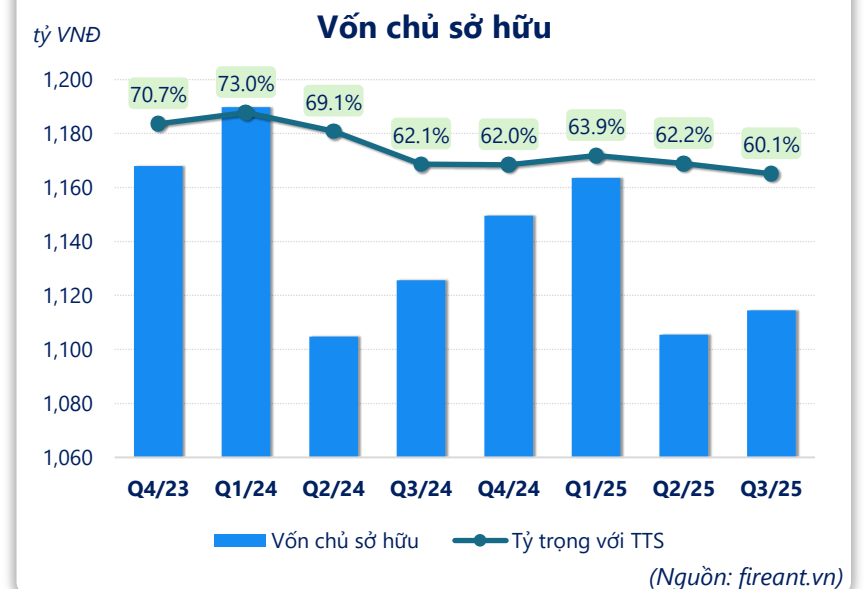
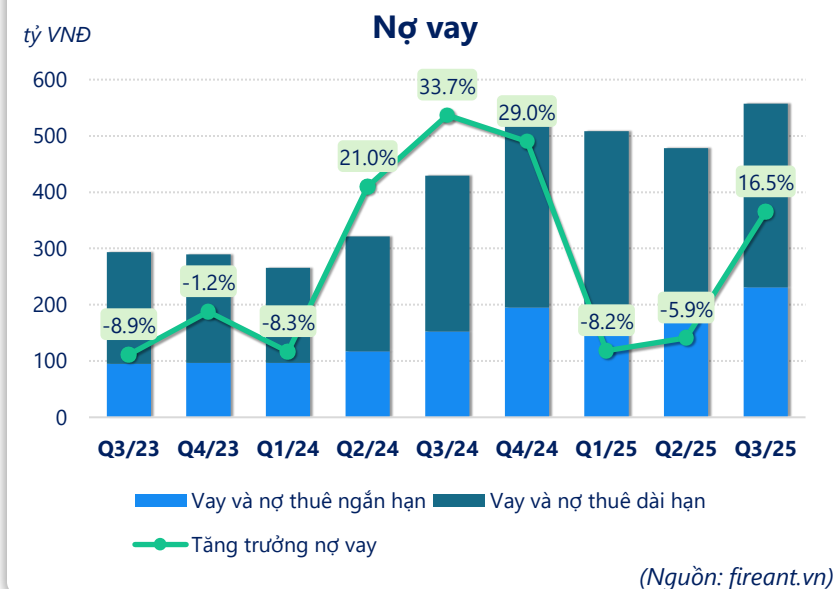
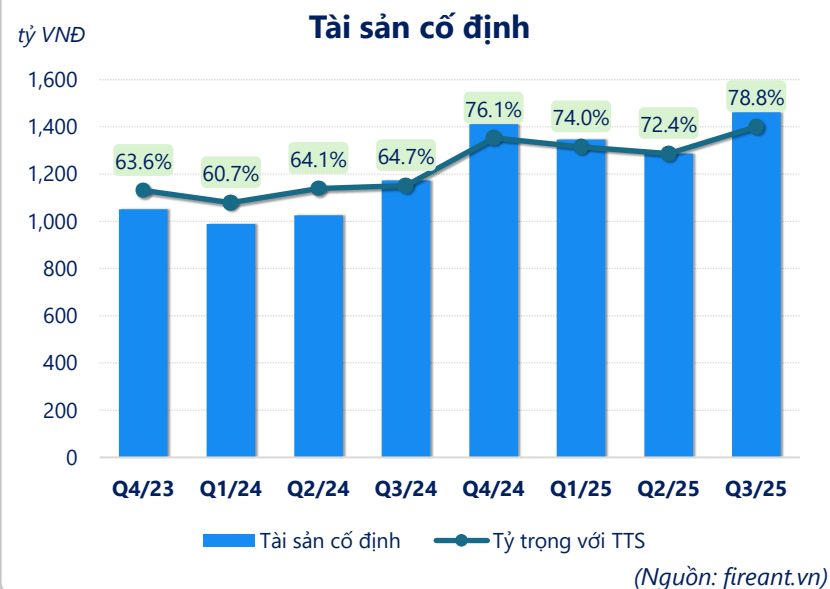
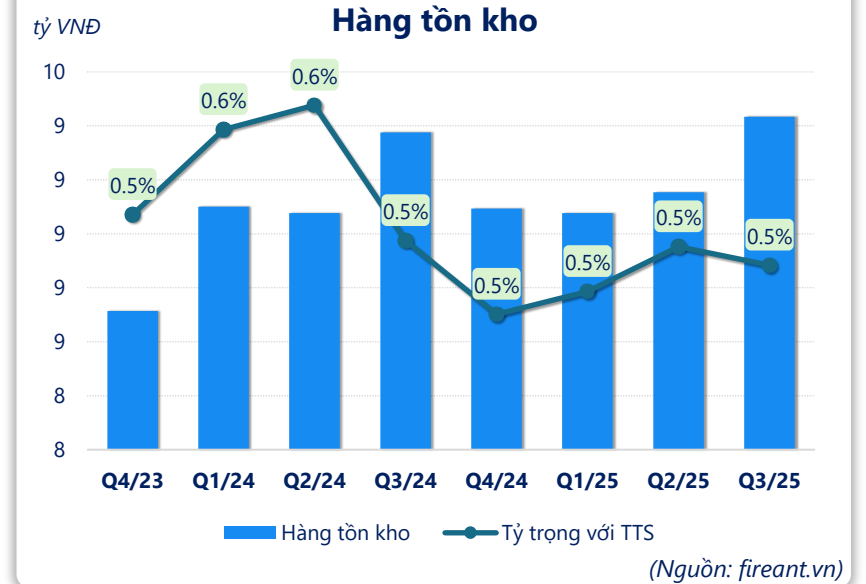
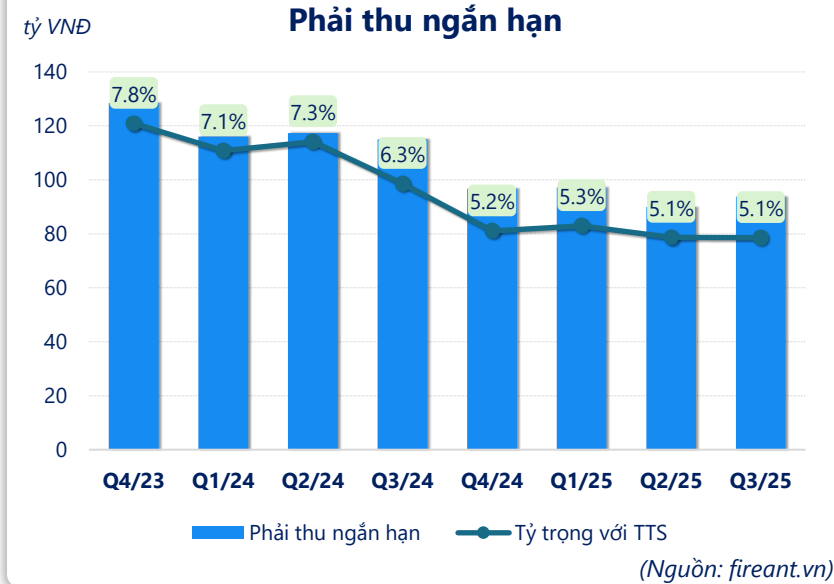
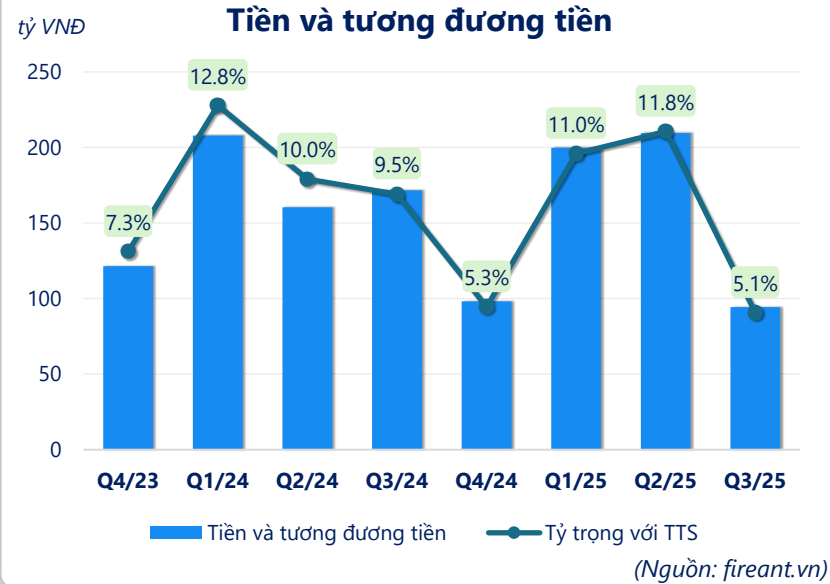
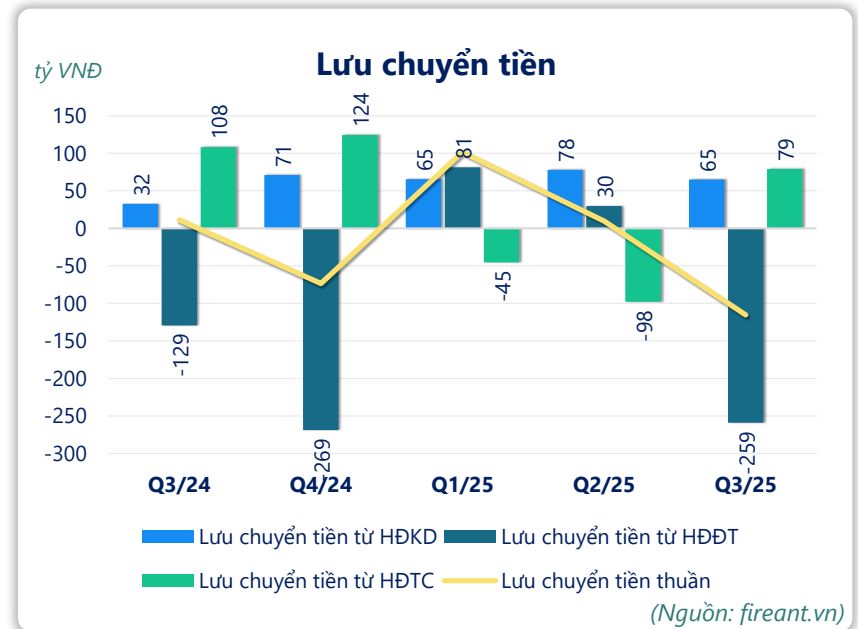
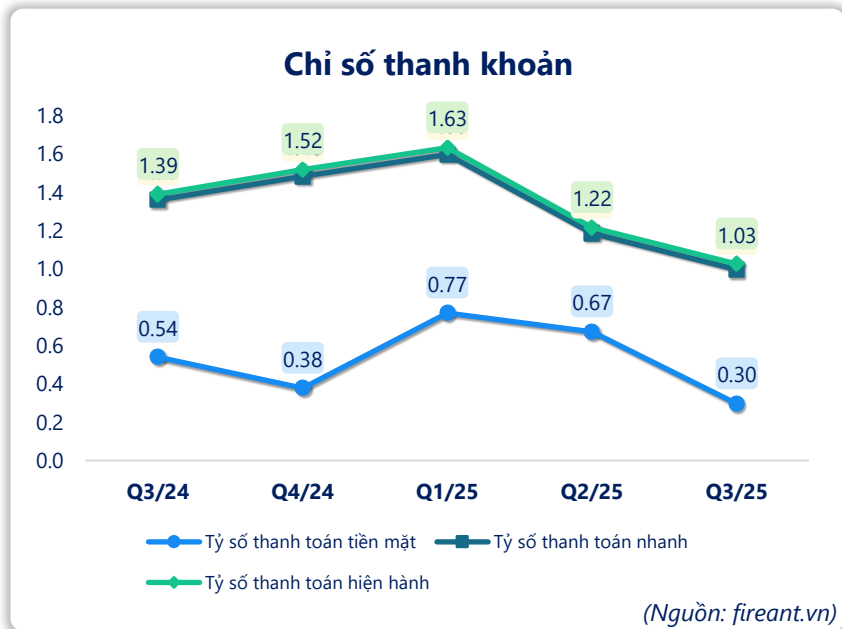
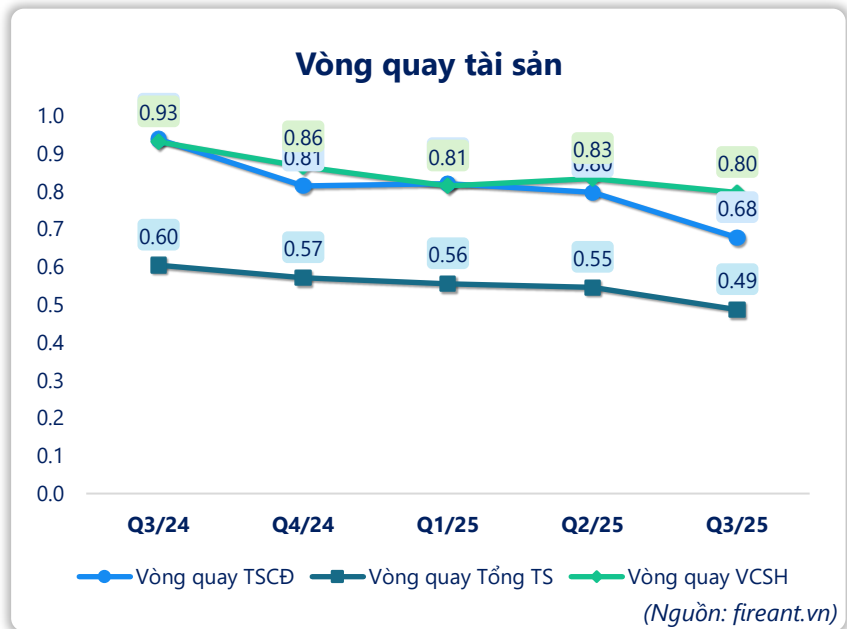
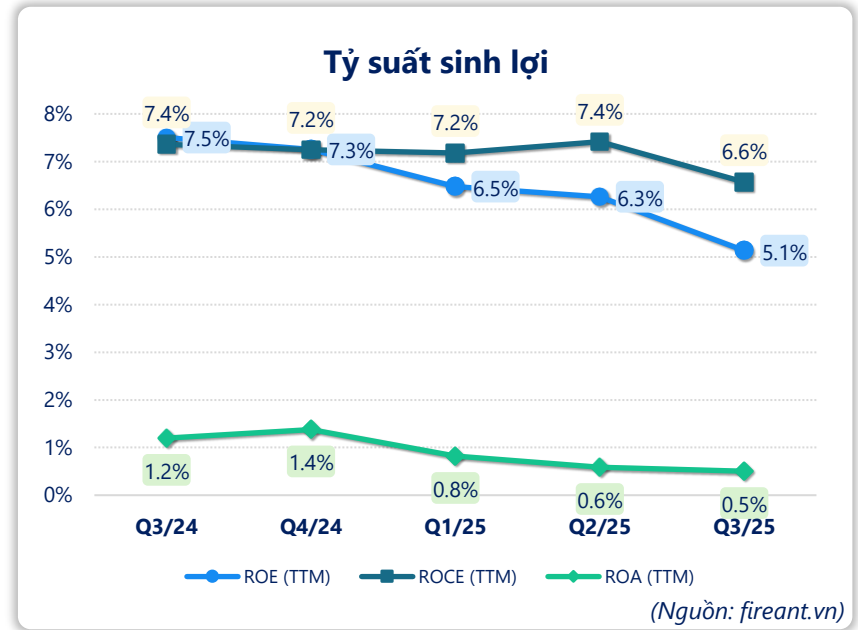
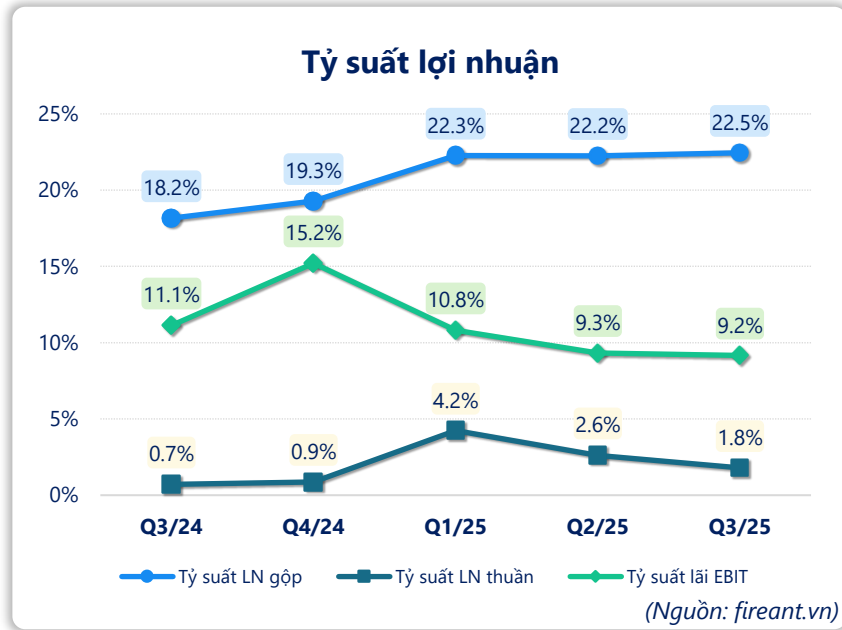
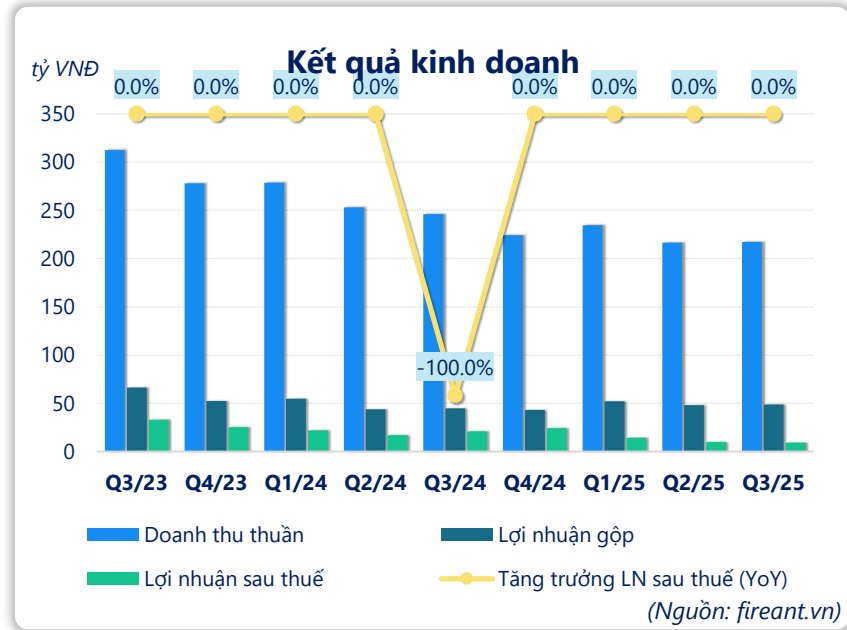


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,810
SL cổ phiếu LH		67,859,192
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,840
% sở hữu nước ngoài		2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		651
P/E		11.3
EPS		847

	YTD	1T	3T	6T
VNS	0.7%	-1.2%	0.9%	1.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,856	1,855	0.0%
Tài sản ngắn hạn	327	396	-17.4%
Tiền và tương đương tiền	94.3	98.2	-4.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110	172	-36.0%
Phải thu ngắn hạn	93.7	96.7	-3.1%
Hàng tồn kho	9.43	9.09	3.7%
Tài sản ngắn hạn khác	19.4	19.8	-1.8%
Tài sản dài hạn	1,529	1,459	4.7%
Phải thu dài hạn	2.83	3.09	-8.4%
Tài sản cố định	1,462	1,411	3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.7	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản dài hạn khác	45.1	44.9	0.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	741	706	5.0%
Nợ ngắn hạn	319	260	22.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	231	195	18.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.9	13.1	28.9%
Nợ dài hạn	422	445	-5.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	326	359	-9.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,115	1,150	-3.1%
Vốn chủ sở hữu	1,115	1,150	-3.1%
Vốn điều lệ	679	679	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	246	224	234	217	217
Giá vốn hàng bán	201	181	182	169	169
Lợi nhuận gộp	44.7	43.2	52.2	48.2	48.8
Doanh thu HĐTC	3.62	2.88	3.21	3.35	2.30
Chi phí TC	6.47	8.33	7.95	7.93	8.72
Chi phí lãi vay	6.44	8.33	7.94	7.92	8.72
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.6	16.3	17.7	17.6	17.2
Chi phí QLDN	20.6	19.5	19.8	20.3	21.2
LN thuần từ HĐKD	1.75	1.97	9.93	5.67	3.88
Lợi nhuận khác	19.2	23.8	7.47	6.62	7.32
LN trước thuế	21.0	25.7	17.4	12.3	11.2
Lợi nhuận sau thuế	21.0	24.2	14.2	9.94	9.25
LNST của CĐ cty mẹ	21.0	24.2	14.1	9.94	9.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.5	71.1	65.5	78.0	64.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-129	-269	81.4	29.7	-259
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	108	124	-45.2	-97.9	78.9
Tiền đầu kỳ	160	172	98.2	200	210
Lưu chuyển tiền thuần	11.3	-73.4	102	9.79	-115
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	172	98.2	200	210	94.3

(Nguồn: fireant.vn)